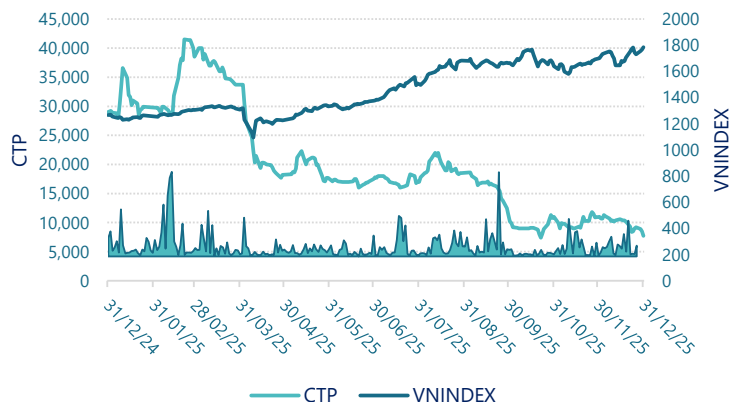


CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	178,590
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	1162.0
EPS	7

DT thuần

Q4/25

11.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.80 | -24.9%

YoY: ▼5.20 | -31.2%

LN sau thuế

Q4/25

-0.42

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.59 | -345%

YoY: ▼0.53 | -479%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.4%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2025

52.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.7 | 39.0%

LN sau thuế

2025

0.08

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.33 | -80.5%

ROE

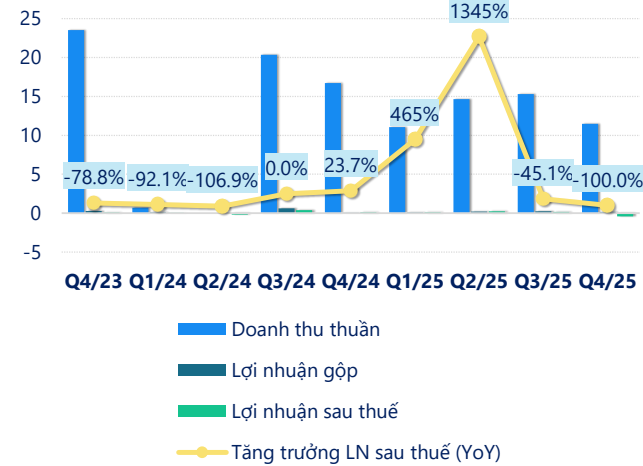
2025

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

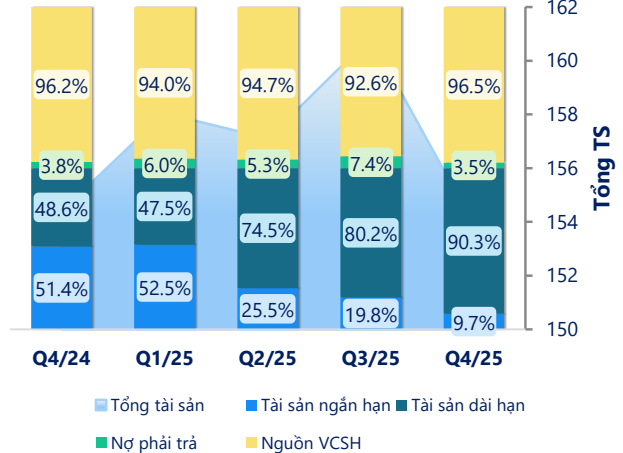
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

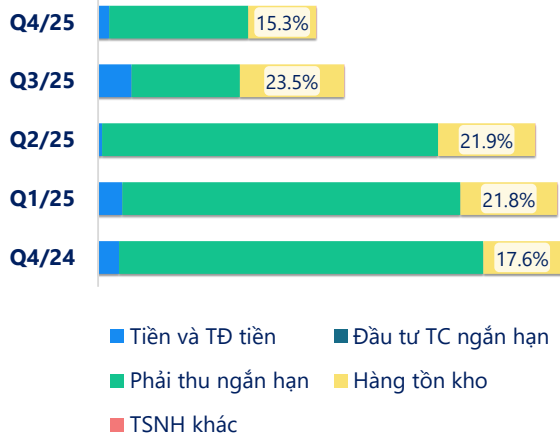
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



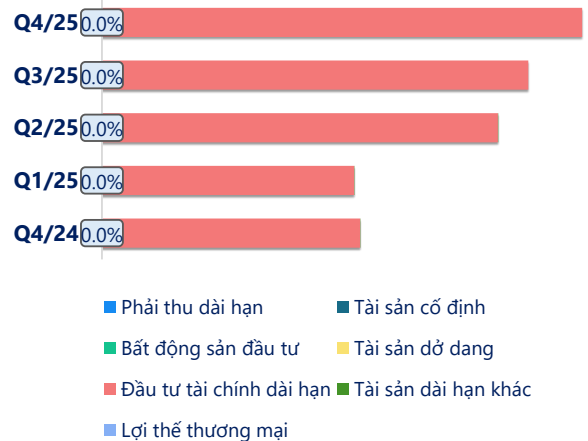
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

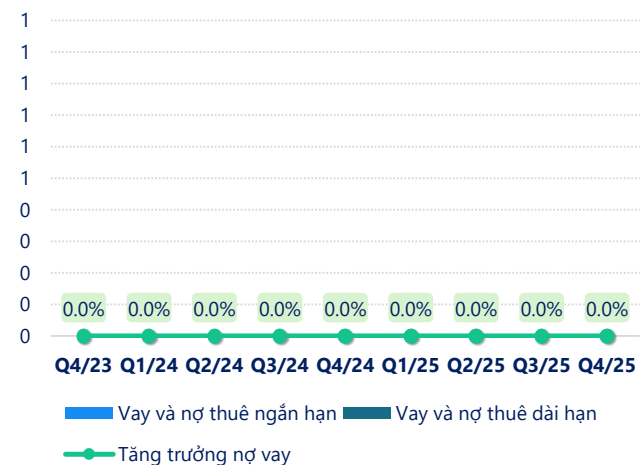
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

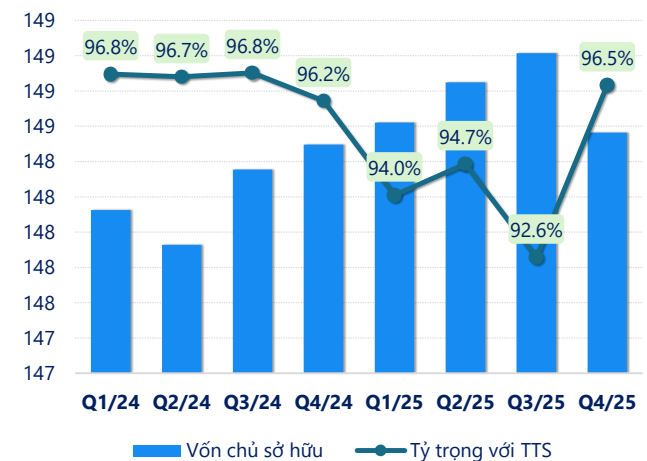
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

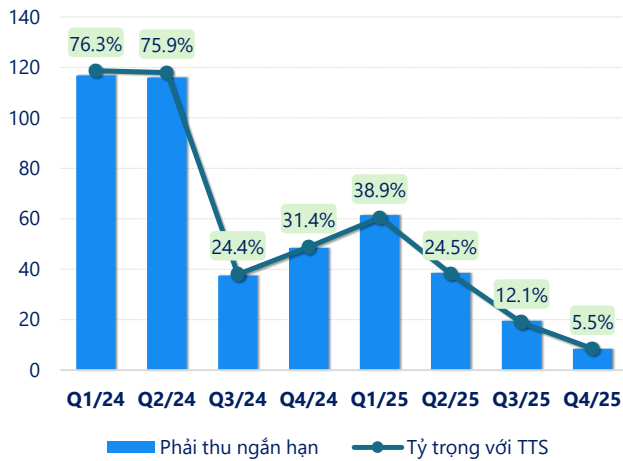
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



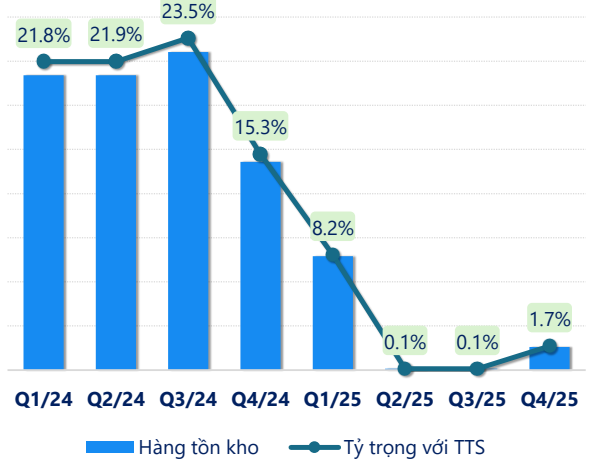
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


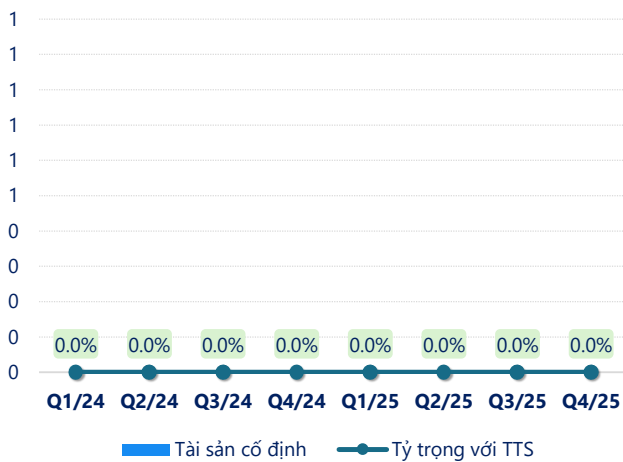
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


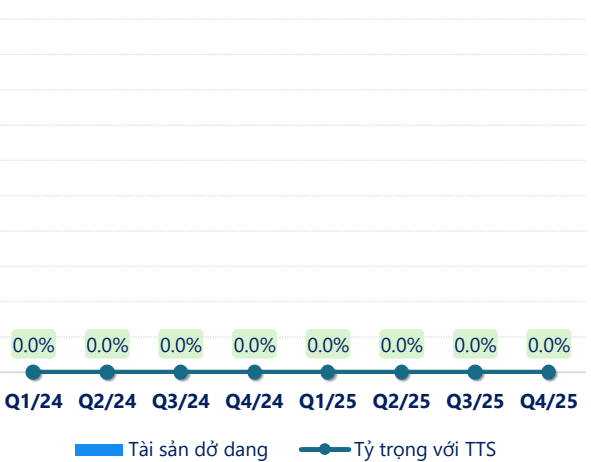
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

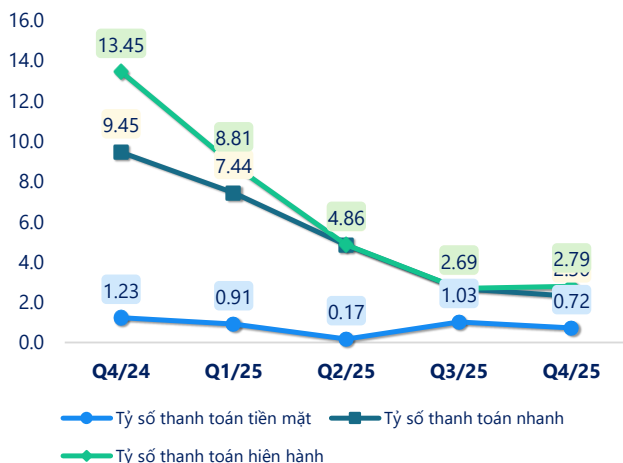
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

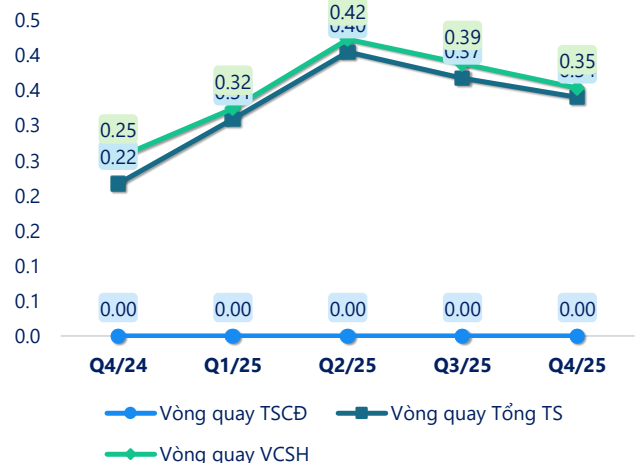
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	154	158	157	161	154
Tài sản ngắn hạn	79.4	83.0	40.1	31.9	14.9
Tiền và tương đương tiền	7.28	8.61	1.42	12.2	3.84
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	48.5	61.5	38.5	19.5	8.43
Hàng tồn kho	23.6	12.9	0.15	0.15	2.63
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	0.00	0.00	0
Tài sản dài hạn	75.0	75.0	117	129	139
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	75.0	75.0	117	129	139
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	0.00	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5.90	9.43	8.26	11.9	5.34
Nợ ngắn hạn	5.90	9.43	8.26	11.9	5.34
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.09	2.71	1.48	5.40	0.10
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	148	149	149	149	149
Vốn chủ sở hữu	148	149	149	149	149
Vốn điều lệ	121	121	121	121	121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)